



TÊN VI: CÔNG TY CP ICD TÂN CANG SÔNG THẦN

(TAN CANG SONG THAN ICD JSC)

Địa chỉ: No.7/20 DT 743, KP Bình Đáng, P.Bình Hoà, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam
(No.7/20 DT 743 St., Binh Dang Quarter, Binh Hoa Ward, Ho Chi Minh City,
Vietnam)

Mã số thuế : 3700785006

(Tax Code: 3700785006)

-----* * * * *



TAN CANG
SONG THAN ICD

QUALITY IS GOLD, CUSTOMERS ARE FRIENDS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ (FINANCIAL STATEMENT)

QUÝ 4 - NĂM 2025/ (QUARTER 4/2025)

*** Gồm các biểu/Reports:**

- 1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh /Income Statement**
- 2. Bảng cân đối kế toán/ Balance Sheet**
- 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ/ Cash Flow Statement**
- 4. Thuyết minh báo cáo tài chính/ Notes to the financial Statement**

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20, đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 4 Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	129.075.761.493	123.707.054.093	512.293.480.168	455.409.981.350
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		129.075.761.493	123.707.054.093	512.293.480.168	455.409.981.350
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	90.995.557.921	79.541.825.038	359.770.303.367	321.068.209.509
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.080.203.572	44.165.229.055	152.523.176.801	134.341.771.841
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.321.080.517	423.364.644	6.162.699.438	4.398.843.442
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	27.601.310	529.155.340	1.110.545.258	2.382.809.265
Trong đó: chi phí lãi vay	23		24.645.394	539.663.690	1.107.589.342	2.379.674.332
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.344.119.731	1.713.475.962	5.919.132.747	3.451.241.074
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	18.530.622.123	21.341.224.469	49.243.215.112	46.903.435.349
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.498.940.925	21.004.737.928	102.412.983.122	86.003.129.595
11. Thu nhập khác	31	VI.7	57.092.257	885.662.941	623.816.465	1.022.257.650
12. Chi phí khác	32		14.361.338	116.081.699	21.466.869	227.345.305
13. Lợi nhuận khác	40		42.730.919	769.581.242	602.349.596	794.912.345
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.541.671.844	21.774.319.170	103.015.332.718	86.798.041.940
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.235.394.347	4.609.103.019	20.530.126.520	17.613.847.573
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.306.277.497	17.165.216.151	82.485.206.198	69.184.194.367
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	681	883	4.475	3.732

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 1 năm 2026

Giám đốc









Đinh Anh Huy

Nguyễn Văn Hựu

Trần Trí Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20, đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		156.380.137.270	168.169.071.837
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	72.517.983.080	90.088.675.948
1. Tiền	111		12.517.983.080	15.088.675.948
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	75.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		72.499.893.469	78.080.395.889
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	58.150.417.693	56.275.999.905
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.503.665.697	1.303.887.402
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	12.730.162.716	22.384.861.219
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.884.352.637)	(1.884.352.637)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.362.260.721	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	9.220.607.961	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.141.652.760	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		385.750.874.872	360.163.823.026
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		24.658.522.976	25.631.626.804
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	24.658.522.976	25.631.626.804
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		115.290.957.310	130.091.782.883
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	114.844.108.072	130.091.782.883
<i>Nguyên giá</i>	222		485.715.039.373	464.710.021.341
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(370.870.931.301)	(334.618.238.458)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	446.849.238	-
<i>Nguyên giá</i>	228		5.898.771.818	5.451.521.818
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.451.922.580)	(5.451.521.818)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.415.853.342	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.415.853.342	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	18.847.773.081	18.847.773.081
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.391.312.981	12.391.312.981
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.456.460.100	6.456.460.100
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		225.537.768.163	185.592.640.258
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	225.537.768.163	185.592.640.258
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		542.131.012.142	528.332.894.863

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		267.286.942.597	287.167.123.025
I. Nợ ngắn hạn	310		167.243.241.415	184.198.886.804
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	57.483.236.424	57.011.042.241
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		310.015.117	34.773.417
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	6.727.425.539	5.663.967.802
4. Phải trả người lao động	314		17.899.868.745	26.050.567.895
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	57.640.124.214	53.008.851.731
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.13	593.520.000	814.320.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	13.707.207.747	14.401.249.689
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	4.400.000.000	21.292.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.16a	-	66.355.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	8.481.843.629	5.855.759.029
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		100.043.701.182	102.968.236.221
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	90.307.508.192	90.168.434.066
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	8.489.829.137	11.553.438.302
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.16b	1.246.363.853	1.246.363.853
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		274.844.069.545	241.165.771.838
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	274.844.069.545	241.165.771.838
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.084.920.000	150.084.920.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.084.920.000	150.084.920.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		80.578.792.962	52.565.109.263
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		44.180.356.583	38.515.742.575
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.763.212.244	38.515.742.575
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.417.144.339	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		542.131.012.142	528.332.894.863

Người lập biểu

Đinh Anh Huy

Đinh Anh Huy

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hựu

Nguyễn Văn Hựu

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 1 năm 2026

Giám đốc



Trần Trí Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: Số 7/20, đường ĐT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 4 Năm 2025

		Đơn vị tính: VND	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (*)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	534.214.578.126	470.530.569.983
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(392.021.565.889)	(279.896.913.830)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(59.846.326.977)	(45.192.967.148)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.142.213.257)	(2.396.336.038)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(18.865.227.744)	(14.683.460.276)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	56.408.481.722	52.310.828.493
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(93.290.149.218)	(83.651.450.777)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>25.457.576.763</i>	<i>97.020.270.407</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(22.574.845.323)	(20.586.277.915)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	361.700.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.103.689.091	3.712.702.975
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(16.109.456.232)</i>	<i>(16.873.574.940)</i>

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền thu từ đi vay	33		12.889.829.137	8.866.532.823
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(32.845.438.302)	(19.963.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.812.434.076)	(27.619.945.600)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(50.768.043.241)</i>	<i>(38.716.412.777)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(41.419.922.710)	41.430.282.690
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		113.940.861.706	48.651.413.126
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.955.916)	6.980.132
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	72.517.983.080	90.088.675.948

Người lập biểu

Đinh Anh Huy

Đinh Anh Huy

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hựu

Nguyễn Văn Hựu

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 1 năm 2026

Giám đốc



Trần Trí Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ kho, bãi và các dịch vụ đi kèm (bốc xếp, nâng hạ, vận chuyển,...).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	Số 7/20, Đường DT 743, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải, kho bãi	36%	36%	36%
Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	Tầng 3 Số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Bến Thành, thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý hải quan, kho bãi và lưu trữ hàng hóa	20%	20%	20%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 173 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 162 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí thi công, cải tạo

Chi phí thi công, cải tạo phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê cơ sở hạ tầng

Tiền thuê cơ sở hạ tầng thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho cơ sở hạ tầng Công ty đang sử dụng. Tiền thuê cơ sở hạ tầng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 15
Máy móc và thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 9
Tài sản cố định khác	5

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 2 - 5 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính cho 1 năm làm việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ

Việc trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CUỐI NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	254.016.948	12.203.808
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.263.966.132	15.076.472.140
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	60.000.000.000	75.000.000.000
Cộng	72.517.983.080	90.088.675.948

2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết	12.391.312.981	-	12.391.312.981	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương ⁽ⁱ⁾	11.440.000.000	-	11.440.000.000	-
Công ty Cổ phần Maruzen Unithai Logistics Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	951.312.981	-	951.312.981	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.456.460.100	-	6.456.460.100	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội ⁽ⁱⁱⁱ⁾	6.456.460.100	-	6.456.460.100	-
Cộng	18.847.773.081	-	18.847.773.081	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700923658 thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 06 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương (nay là Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh) cấp, Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương có vốn điều lệ là 30.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 1.080.000 cổ phần tương ứng 36% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

(ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411032000038 ngày 16 tháng 4 năm 2008 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam có vốn điều lệ là 2.400.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 48.000 cổ phần tương ứng 20% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

(iii) Công ty ủy thác cho Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào Ngân hàng TMCP Quân đội. Sau khi thực hiện cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được xác định lại là 6.456.460.100 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số lượng cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội mà Công ty ủy thác đầu tư là 2.013.349 cổ phiếu (số đầu năm là 1.326.318 cổ phiếu, số tăng trong năm do được chia cổ tức bằng cổ phiếu).

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 50.937.729.700 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 33.290.581.800VND).

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.385.491.170	2.374.359.158
Mua hàng và sử dụng dịch vụ	10.446.973.271	8.296.954.597
Nhận cổ tức của công ty liên kết	2.304.000.000	1.836.000.000
Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.851.195.332	1.923.991.978
Nhận cổ tức của công ty liên kết	300.000.000	639.289.998

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	6.344.112.755	2.560.996.472
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	5.536.564.754	1.503.699.920
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương	207.116.403	421.309.058
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	314.589.488	249.789.488
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	96.461.064	184.939.200
Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	189.381.046	151.578.806
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	-	49.680.000
Phải thu các khách hàng khác	51.806.304.938	53.715.003.433
Công ty Cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam	5.837.361.543	8.071.001.872
Công ty TNHH Kimberly - Clark Việt Nam	10.029.292.340	8.020.316.223
Công ty Cổ phần Marico South East Asia	-	6.517.185.682
Công ty TNHH Fes (Việt Nam)	6.828.517.508	2.853.384.558
Các khách hàng khác	29.111.133.547	28.253.115.098
Cộng	58.150.417.693	56.275.999.905

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT	-	1.097.852.973
Công ty TNHH Công nghệ không gian	294.241.680	-
Công ty Cổ phần Sky link	350.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty Cổ phần giải pháp công nghệ trực tuyến	455.500.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.263.970.546	206.034.429
Cộng	3.503.665.697	1.303.887.402

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	3.751.996.846	-	13.152.526.540	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	3.341.352.726	-	8.824.822.265	-
- Lợi nhuận hợp tác kinh doanh	903.815.933	-	951.440.179	-
- Vốn góp hợp tác kinh doanh ⁽ⁱ⁾	2.437.536.793	-	7.873.382.086	-
Phải thu về chi hộ	410.644.120	-	4.327.704.275	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	407.385.720	-	4.326.197.988	-
Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	3.258.400	-	1.506.287	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	8.978.165.870	-	9.232.334.679	-
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	485.100.000	-	498.100.000	-
Tạm ứng	1.787.366.749	-	2.121.460.794	-
Các khoản chi hộ, nhờ thu hộ	5.729.137.146	-	5.575.531.722	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	976.561.975	-	1.037.242.163	-
Cộng	12.730.162.716	-	22.384.861.219	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	22.950.522.976	-	23.231.626.804	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	22.950.522.976	-	23.231.626.804	-
- Đặt cọc, ký quỹ, ký cược ⁽ⁱⁱ⁾	22.000.000.000	-	22.000.000.000	-
- Vốn góp hợp tác kinh doanh ⁽ⁱ⁾	950.522.976	-	1.231.626.804	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.708.000.000	-	2.400.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.708.000.000	-	2.400.000.000	-
Cộng	24.658.522.976	-	25.631.626.804	-

- (i) Các khoản vốn góp hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng (“Tân Cảng IDI”), trong đó, Tân Cảng IDI là đơn vị vận hành và thực hiện các nghĩa vụ nộp và kê khai thuế, chi tiết như sau:

Bên tham gia hợp tác kinh doanh	Mục đích	Thời hạn
Công ty, Tân Cảng IDI và Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương	Xây dựng và khai thác bãi container	10 năm (kể từ ngày 24/8/2015)
Công ty, Tân Cảng IDI và Công ty Cổ phần Dịch vụ bay và Du lịch biển Tân Cảng	Xây dựng và khai thác kho số 21	49 năm (từ năm 2016 đến năm 2065)

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh này đều phân chia lợi nhuận sau thuế hàng năm theo tỷ lệ góp vốn của các bên. Thời hạn thu hồi vốn góp trong vòng 10 năm kể từ ngày bắt đầu hợp đồng, dựa trên tỷ lệ khấu hao tương ứng với tỷ lệ vốn góp. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, hợp đồng hợp tác kinh doanh xây dựng và khai thác kho số 21 đã thu hồi hết vốn góp.

- (ii) Đặt cọc thuê kho 21 thời hạn 10 năm từ 06/12/2016 đến hết ngày 05/12/2026.

6. Nợ xấu

Là các khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi của các khách hàng có thời gian quá hạn trên 3 năm, tỷ lệ trích lập dự phòng 100%.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Phát triển Logistics Toàn Cầu	1.435.552.637	1.435.552.637
Công ty TNHH Gokce & Ayca Logistics	448.800.000	448.800.000
Cộng	1.884.352.637	1.884.352.637

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.884.352.637	6.460.578.796
Hoàn nhập dự phòng	-	(4.429.377.797)
Số cuối kỳ	1.884.352.637	2.031.200.999

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa, chỉnh trang	9.220.607.961	-
Cộng	9.220.607.961	-

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	401.222.223	610.555.556
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng ⁽ⁱ⁾	217.521.267.692	171.075.724.971
Chi phí sửa chữa, chỉnh trang ⁽ⁱⁱ⁾	7.615.278.248	14.516.915.287
Cộng	225.537.768.163	185.592.640.258

- (i) Đây là khoản tiền thuê cơ sở hạ tầng của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (công ty mẹ) tại Phường Bình Hòa, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 532/TCT-KHKD ngày 1 tháng 6 năm 2016 và các phụ lục kèm theo. Thời hạn thuê là 48 năm kể từ ngày 1 tháng 6 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2064 và thời hạn thanh toán khoản tiền thuê này là trong vòng 10 năm kể từ năm 2017 đến năm 2026.

- (ii) Đây là khoản chi phí sửa chữa, chỉnh trang văn phòng, nhà kho, hạ tầng điện nước, giao thông của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SỐNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	409.932.354.165	23.715.678.256	12.635.768.373	14.025.336.240	223.000.000	460.532.137.034
Mua trong năm	307.923.079	15.878.504.574	1.640.008.333	4.696.269.145	-	22.522.705.131
Thanh lý, nhượng bán	(107.198.499)	-	(813.700.000)	(596.788.600)	-	(1.517.687.099)
Số cuối kỳ	410.133.078.745	41.069.342.747	13.462.076.706	18.124.816.785	223.000.000	485.715.039.373
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	296.058.648.158	15.687.000.830	9.941.715.448	13.117.575.952	223.000.000	335.027.940.388
Khấu hao trong kỳ	33.238.867.744	2.352.984.104	862.869.020	1.208.460.575	-	37.663.181.443
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(813.700.000)	(596.788.600)	-	(1.410.488.600)
Số cuối kỳ	329.342.561.308	18.064.570.933	9.511.551.133	13.729.247.927	223.000.000	370.870.931.301
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	113.873.706.007	8.028.677.426	2.694.052.925	907.760.288	-	125.504.196.646
Số cuối kỳ	83.493.241.827	23.004.771.814	3.950.525.573	4.395.568.858	-	114.844.108.072
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm, cụ thể như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	5.451.521.818	(5.451.521.818)	-
Mua trong năm	447.250.000	-	447.250.000
Khấu hao trong năm	-	(400.762)	400.762
Số cuối năm	5.898.771.818	(5.451.922.580)	446.849.238

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 5.451.521.818

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	9.203.871.298	18.374.244.846
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	11.842.731.016	12.033.743.483
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	2.378.257.352	4.756.514.704
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương	2.290.838.758	769.708.671
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	1.214.754.000	504.468.000
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	-	148.824.000
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	1.777.577.500	108.045.988
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	52.940.000	52.940.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	83.382.400	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	6.955.200	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	37.835.800.198	38.636.797.395
Cộng	57.483.236.424	57.011.042.241

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	253.206.588	9.130.282.090	(11.525.141.438)	-	2.141.652.760
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.974.169.158	19.594.636.910	(19.800.717.354)	4.768.088.714	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp bên hợp tác kinh doanh nộp hộ	-	935.489.610	(935.489.610)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	436.592.056	5.814.595.412	(4.291.850.643)	1.959.336.825	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	7.105.528	(7.105.528)	-	-
Cộng	4.746.450.555	35.485.109.552	(36.563.304.573)	6.727.425.539	2.141.652.760

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp trong khu phi thuế quan, dịch 0%

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tiếp theo)

vụ vận chuyển ra nước ngoài

- Cung cấp nước sạch 5%
- Cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi và các dịch vụ đi kèm 8% và 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	103.015.332.718	86.798.041.941
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	2.696.879.382	2.829.460.505
- Các khoản điều chỉnh tăng/giảm	2.696.879.382	2.829.460.505
Thu nhập chịu thuế	105.712.212.100	89.627.502.446
Thu nhập được miễn thuế	(3.061.579.500)	(3.138.448.998)
Thu nhập tính thuế	102.650.632.600	86.489.053.448
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	20.530.126.520	17.297.810.689
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	316.036.884
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	20.530.126.520	17.613.847.573

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	61.915.234.140	45.373.014.626
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	55.759.035.776	44.910.799.094
Chi phí sử dụng đất(*)	55.759.035.776	44.908.069.094
Chi phí sử dụng dịch vụ khác	-	2.730.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng	461.676.438	462.215.532
- Bình Dương - Chi phí nhiên liệu, thuê nhân công		
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	2.713.663.261	7.635.837.105
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.401.862.000	7.082.073.562
Chi phí vận chuyển	17.550.000	295.939.628
Chi phí lãi vay	-	34.623.915

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	223.200.000
Cộng	57.640.124.214	53.008.851.731

- (*) Đây là khoản chi phí sử dụng đất quốc phòng Công ty tạm tính từ năm 2020 đến nay, căn cứ theo:
- Nghị quyết số 132/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội, Nghị định số 26/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ và Thông tư số 58/2021/TT-BQP ngày 7/6/2021 của Bộ Quốc phòng;
 - Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định đơn giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;
 - Các văn bản hướng dẫn số 4468/TCT-QLCS ngày 9/8/2021 của Cục Tài chính, Bộ Quốc phòng; Công văn số 1132/BQP-Kte ngày 18/4/2022 và Công văn số 1707/BQP-Kte ngày 24/5/2023 của Cục kinh tế, Bộ Quốc phòng về việc hướng dẫn xác định tiền sử dụng đất quốc phòng.

Công ty sẽ tiếp tục áp dụng đơn giá tạm tính này cho đến khi có văn bản thông báo chính thức của cấp có thẩm quyền về chi phí sử dụng đất phải nộp.

Công ty đã thanh toán chi phí sử dụng đất đến hết năm 2023, theo thông báo hàng năm của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.

13. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Đây là khoản doanh thu chưa thực hiện đến từ khoản tiền nhận trước theo các hợp đồng thuê kho, thuê văn phòng và phụ lục liên quan.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Nissin Logistics Việt Nam	533.520.000	814.320.000
Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	60.000.000	-
Cộng	593.520.000	814.320.000

14. Phải trả khác**14a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	541.084.195	658.255.692
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.132.438.671	983.054.285
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.488.472.000	10.709.192.000
Các khoản thu hộ	2.501.765.011	2.050.747.712
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	43.447.870	-
Cộng	13.707.207.747	14.401.249.689

14b. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ, ký cược liên quan đến các hợp đồng cho thuê kho.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH ITL Bình Dương	33.333.333.360	35.833.333.356
Công ty TNHH Logitem Việt Nam	27.407.600.710	27.407.600.710
Công ty TNHH Dịch vụ Chuỗi cung ứng DHL Việt Nam	24.639.074.122	22.000.000.000
Các đối tượng khác	4.927.500.000	4.927.500.000
Cộng	90.307.508.192	90.168.434.066

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tiếp theo)

15. Vay

Là các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam -- chi nhánh Bình Dương, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả	16.433.905.479	21.292.000.000
- Hợp đồng năm 2018	-	19.520.000.000
- Hợp đồng năm 2024	-	1.772.000.000
- Hợp đồng năm 2025	4.400.000.000	-
Vay dài hạn	8.489.829.137	11.553.438.302
- Hợp đồng năm 2018	-	4.901.905.479
- Hợp đồng năm 2024	-	6.651.532.823
- Hợp đồng năm 2025	8.489.829.137	-
Cộng	12.889.829.137	32.845.438.302

Công ty có khả năng trả được các khoản vay.

Chi tiết phát sinh của các khoản vay như sau:

Năm nay

	Vay dài hạn đến hạn trả	Vay dài hạn
Số đầu năm	21.292.000.000	11.553.438.302
Số tiền vay phát sinh	-	12.889.829.137
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	10.630.905.479	(10.630.905.479)
Số tiền vay đã trả	(27.522.905.479)	(5.322.532.823)
Số cuối kỳ	4.400.000.000	8.489.829.137

Năm trước

	Vay dài hạn đến hạn trả	Vay dài hạn
Số đầu năm	19.520.000.000	24.421.905.479
Số tiền vay phát sinh	-	8.866.532.823
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	21.735.000.000	(21.735.000.000)
Số tiền vay đã trả	(19.963.000.000)	-
Số cuối kỳ	21.292.000.000	11.553.438.302

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	4.400.000.000	21.292.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	8.489.829.137	11.553.438.302
Cộng	12.889.829.137	32.845.438.302

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán

16. Dự phòng phải trả**16a. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong kỳ	Số sử dụng trong kỳ	Số cuối kỳ
Dự phòng trợ cấp thôi việc	66.355.000	-	(66.355.000)	-
Cộng	66.355.000		(66.355.000)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tiếp theo)

16b. Dự phòng phải trả dài hạn

Là dự phòng trợ cấp thôi việc.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng Người quản lý	Cộng
Số đầu năm	467.653.535	4.910.605.494	477.500.000	5.855.759.029
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	14.647.527.472	2.448.321.943	898.625.000	17.994.474.415
Tăng khác	271.895.185	52.500.000	-	324.395.185
Chuyển quỹ phúc lợi sang quỹ khen thưởng	4.900.000.000	(4.900.000.000)	-	
Chi quỹ trong năm	(13.493.500.000)	(1.328.160.000)	(871.125.000)	(15.692.785.000)
Số cuối kỳ	6.793.576.192	1.183.267.437	505.000.000	8.481.843.629

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	120.086.720.000	65.426.863.060	27.053.491.723	212.567.074.783
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	69.184.194.367	69.184.194.367
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	(27.619.945.600)	(27.619.945.600)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(12.965.551.712)	(12.965.551.712)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	17.136.446.203	(17.136.446.203)	-
Số dư cuối kỳ trước	150.084.920.000	52.565.109.263	38.515.742.575	241.165.771.838
Số dư đầu năm nay	150.084.920.000	52.565.109.263	34.845.673.585	237.495.702.848
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	69.178.928.699	69.178.928.699
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	(30.812.434.076)	(30.812.434.076)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	2.163.285.821	(4.020.521.769)	(1.857.235.948)
Tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm nay	-	20.753.678.610	(32.995.288.325)	(12.241.609.715)
Số dư cuối kỳ này	150.084.920.000	75.482.073.694	36.196.358.114	261.763.351.808

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	76.544.200.000	76.544.200.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu	35.685.140.000	35.685.140.000
Các cổ đông khác	37.855.580.000	37.855.580.000
Cộng	150.084.920.000	150.084.920.000

18c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	15.008.492	15.008.492

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	15.008.492	15.008.492
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	15.008.492	15.008.492

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2025 số 212/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 như sau:

	<u>VND</u>
Phân phối lợi nhuận năm trước	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 30.812.434.076
• Trích bổ sung quỹ đầu tư phát triển (bao gồm 1.104.836.019 VND trích bổ sung sau biên bản của Kiểm toán Nhà nước)	: 3.268.121.840
• Trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý (bao gồm 814.738.467 VND trích bổ sung sau biên bản của Kiểm toán Nhà nước)	2.671.974.415
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm nay	
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 24.745.561.859
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 14.487.500.000
• Trích Quỹ thưởng người quản lý	: 835.000.000

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**19a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	33.144.063.931	53.244.219.261
Trên 1 năm đến 5 năm	-	29.899.844.669
Cộng	33.144.063.931	83.144.063.930

19b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 22.915,28 USD (số đầu năm là 22.928,48 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu dịch vụ kho bãi và các dịch vụ đi kèm	422.350.538.672	382.724.433.810
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	79.344.298.820	61.095.022.186
Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	10.598.642.676	11.590.525.354
Cộng	512.293.480.168	455.409.981.350

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tiếp theo)**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	11.607.771.542	7.694.599.219
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	985.146.252	925.146.252
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	569.753.400	806.237.500
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	44.250.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	66.600.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	-	768.186.928

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ kho bãi và các dịch vụ đi kèm	283.937.723.315	260.310.286.395
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	69.911.385.421	55.059.727.226
Giá vốn từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	5.921.194.631	5.698.195.887
Cộng	359.770.303.367	321.068.209.508

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	3.079.227.206	1.237.412.977
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.061.579.500	3.138.448.998
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	21.892.732	20.624.157
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	2.357.310
Cộng	6.162.699.438	4.398.843.442

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.107.589.342	2.379.674.332
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	3.134.933
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.955.916	-
Cộng	1.110.545.258	2.382.809.265

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hội nghị	5.919.132.747	3.146.583.102
Các chi phí khác	-	304.657.972
Cộng	5.919.132.747	3.451.241.074

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	27.686.558.408	27.066.963.137
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.338.161.467	3.786.103.940
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(4.576.226.159)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.215.495.237	20.623.594.431
Cộng	49.243.215.112	46.903.435.349

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	361.700.000	-
Tiền bán phế thải, vật tư, công cụ đã qua sử dụng	25.646.464	796.089.425
Thu nhập từ thuê trạm nhiên liệu	133.333.332	133.333.332
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	15.565.740
Thu nhập khác	103.136.669	77.269.153
Cộng	623.816.465	1.022.257.650

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	82.485.206.198	65.514.125.377
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(15.322.500.000)	(13.177.500.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	67.162.706.198	52.336.625.377
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	15.008.492	15.008.492
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	4.475	3.487

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiếp vận Tân Cảng Hồng Ngọc Phú Quốc	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Miền Bắc	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chia cổ tức		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	15.714.524.260	14.086.172.900
Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu	7.326.159.242	6.567.017.500
Mua hàng và sử dụng dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	75.944.648.523	68.029.891.286
Sử dụng dịch vụ	5.328.062.090	12.727.198.182
Chi phí trả trước thuê cơ sở hạ tầng	50.000.000.000	34.445.299.215
Chi phí sử dụng đất quốc phòng và phương tiện sản xuất	20.616.586.433	20.857.393.889
Công ty Cổ phần ICD Tân cảng – Long Bình	161.650.000	191.850.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	73.705.000	150.747.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	25.944.625.656	25.944.625.656
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	1.852.975.741	232.033.505
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	431.210.000	317.640.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	9.166.675.409	4.533.698.318
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân cảng Miền Bắc	-	94.700.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc Tế Cảng Cát Lái	-	249.650.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	88.140.000	-

Công nợ với các bên liên quan

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V5, V.10, V.12 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG SÓNG THẦN

Địa chỉ: số 7/20 đường ĐT 743 Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ kho bãi và các dịch vụ đi kèm, thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cuối niên độ.

Lập, ngày 20 tháng 1 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Đinh Anh Huy

Nguyễn Văn Hựu

Trần Trí Dũng